

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 24/3/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân: Anh Y Lợi Ê Ban và anh R Mah In (Ama Ka)

- **Thư ký phiên tòa:** Anh Lương Văn Mạnh - Thư ký [Tòa án nhân dân huyện Krông Bông](#), tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:**
Ông Lâm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 132/2024/TLST- DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** [Đỗ Hoàng N](#), sinh năm: 1985 (có mặt)
Địa chỉ: [A V, Tổ dân phố E, thị trấn K, huyện K, Đắk Lắk](#).
- **Bị đơn:** [Nguyễn Tất Đ](#) (có mặt)
Địa chỉ: [T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk](#)
- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà [Lê Thị Hồng V](#) (có mặt)
Địa chỉ: [Tổ dân phố E, Thị trấn K, K, Đắk Lắk](#)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tại các biên bản làm việc tại Toà án cũng như tại phiên toà hôm nay, anh [Đỗ Hoàng N](#) trình bày:

Năm 2023, anh [Nguyễn Tất Đ](#) có vay tôi nhiều lần với tổng cộng 115.000.000 đồng tiền gốc, cụ thể như sau:

Vào ngày 16/01/2023, anh [Nguyễn Tất Đ](#) có mượn tôi số 50.000.000 đồng. Thời hạn mượn là 04 tháng, từ ngày 16/01/2023 đến ngày 16/5/2023

Ngày 21/02/2023, anh [Nguyễn Tất Đ](#) có mượn tôi thêm số tiền 30.000.000 đồng. Thời hạn mượn là 04 tháng, từ ngày 21/02/2023 đến ngày 21/6/2023

Ngày 26/10/2023, anh [Nguyễn Tất Đ](#) lại mượn thêm của tôi số tiền 35.000.000 đồng. Thời hạn mượn là 01 tháng, từ ngày 26/10/2023 đến ngày 26/11/2023

Về tiền lãi, khi tôi cho anh [Nguyễn Tất Đ](#) mượn tiền, chúng tôi thoả thuận miệng với nhau tiền lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng

Tuy nhiên, cho đến nay anh [Nguyễn Tất Đ](#) chưa trả cho tôi số tiền đã vay và tiền lãi phát sinh.

Vì vậy, tôi đề nghị Toà án giải quyết, buộc anh [Nguyễn Tất Đ](#) trả cho tôi tổng tiền gốc là 115.000.000 đồng

Về tiền lãi: Tôi đề nghị Toà án giải quyết, buộc anh [Đ](#) trả cho tôi tiền lãi phát sinh, tính đến ngày xét xử, ngày 24/3/2025 là:

Đối với số tiền lãi của lần vay ngày 16/01/2023 và số tiền lãi lần vay của ngày 21/02/2023, do anh [Nguyễn Tất Đ](#) không chấp nhận trả gốc và lãi cho tôi, chúng tôi có tranh chấp về lãi nên tôi đề nghị Toà án tính lãi với lãi suất phát sinh là 10%/năm, cụ thể như sau:

- Số tiền tôi cho anh [Đ](#) vay ngày 16/01/2023, tính đến ngày tôi làm đơn là ngày 19/11/2024 là 22 tháng 03 ngày, tiền lãi phát sinh là : 22 tháng 03 ngày x 50.000.000 đồng x 1,66%/ tháng = 18.343.000 đồng. Tính đến ngày xét xử là ngày 24/3/2025 là 25 tháng 26 ngày = 50.000.000 đồng x 10%/12 x 25 tháng 26 ngày = 10.777.778 đồng (tính theo lãi suất 10%/ năm)

- Số tiền tôi cho anh [Đ](#) vay ngày 21/02/2023, tính đến ngày tôi làm đơn là ngày 19/11/2024 là 20 tháng 28 ngày, tiền lãi phát sinh là : 20 tháng 28 ngày x 30.000.000 đồng x 1,66%/ tháng = 10.424.800 đồng. Tính đến ngày xét xử là ngày 24/3/2025 là 25 tháng 03 ngày = 30.000.000 đồng x 10%/12 x 25 tháng 03 ngày = 6.275.000 đồng (tính theo lãi suất 10%/ năm)

Số tiền tôi cho anh [Đ](#) vay ngày 26/10/2023, tính đến ngày tôi làm đơn là ngày 19/11/2024 là 22 tháng 03 ngày, tiền lãi phát sinh là : 12 tháng 23 ngày x 35.000.000 đồng x 1,66%/ tháng = 7.417.433 đồng. Tính đến ngày xét xử là ngày 24/3/2025 là 16 tháng 26 ngày = 35.000.000 đồng x 1.66% x 16 tháng 26 ngày = 9.799.533 đồng

Tổng tiền lãi phát sinh là 10.777.778 đ + 6.275.000 đ + 9.799.533 đ = 26.852.311 đồng

Tổng cả gốc và lãi tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh [Đ](#) phải trả cho tôi số tiền là : 115.000.000 đ + 26.852.311 đ = 141.852.311 đồng

Tại bản tự khai ngày 28/02/2025, tại các buổi làm việc tại Toà án cũng như tại phiên toà ngày hôm nay, anh [Nguyễn Tất Đ](#) trình bày:

Vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2023, tôi có mượn của anh [Đỗ Hoàng N](#) số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó tôi có sang mượn thêm anh [Đỗ Hoàng N](#) số tiền 30.000.000 đồng và trong thời gian đó, tôi có trả lãi cho anh [Đỗ Hoàng N](#) đầy đủ. Sau một thời gian nữa, tôi có xuống mượn anh [Đỗ Hoàng N](#) thêm 70.000.000 đồng. Do anh [Đỗ Hoàng N](#) không có ở nhà nên bảo vợ là cô [V](#) cùng tôi lên phòng công chứng làm Hợp đồng vay tiền và tôi có điện cho anh [Đỗ Hoàng Nghĩa L](#) làm giấy sao thì anh [Đỗ Hoàng N](#) bảo là làm hợp đồng gộp lại tổng là 150.000.000 đồng đứng tên cô [V](#) . Sau đó cùng ngày, anh [Đỗ Hoàng N](#) chuyển khoản cho tôi thêm

70.000.000 đồng (cộng với 02 lần trước tôi viết giấy vay anh [Đỗ Hoàng N](#) số tiền là 80.000.000 đồng) . Tôi cũng đã trả tiền lãi cho anh [Đỗ Hoàng N](#) thêm mấy kỳ đối với số tiền 150.000.000 đồng mà tôi đã làm hợp đồng mượn tiền cô [V](#). Sau đó , tôi xuống nhà anh [Đỗ Hoàng N](#) mượn thêm 20.000.000 đ + 15.000.000 đ (tiền lãi của kỳ trước) nên tôi đã viết giấy mượn anh [Đỗ Hoàng N](#) số tiền 35.000.000 đồng. Tôi có đưa cho anh [Đỗ Hoàng N](#) 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên tôi .

Tháng 6/2024, anh [Đỗ Hoàng N](#) và tôi thống nhất , tôi trả cho anh [Đỗ Hoàng N](#) tổng cộng 260.000.000 đồng, số tiền này bao gồm số tiền 150.000.000 đồng tôi viết giấy vay nợ chị [V](#) và 35.000.000 đồng tôi viết giấy vay nợ anh [N](#), tổng cộng là 185.000.000 đồng. Số tiền còn lại là lãi phát sinh, nhưng tôi chưa có tiền trả anh [Đỗ Hoàng N](#).

Tháng 8/2024, tôi và anh [N](#) gặp nhau tại quán cà phê và hai bên thống nhất lại, tôi trả cho anh [Đỗ Hoàng N](#) số tiền là 280.000.000 đồng, số tiền này bao gồm số tiền 150.000.000 đồng tôi viết giấy vay nợ chị [V](#) và 35.000.000 đồng tôi viết giấy vay nợ anh [N](#), tổng cộng là 185.000.000 đồng gốc. Số tiền còn lại là lãi phát sinh, nhưng tôi chưa có tiền trả anh [Đỗ Hoàng N](#).

Nay, anh [Đỗ Hoàng N](#) kêu tôi nợ số tiền gốc là 115.000.000 đồng , bao gồm cả 80.00.000 đồng mà tôi đã viết giấy mượn nợ cô [V](#) , tôi không đồng ý trả số tiền này và tiền lãi phát sinh của số tiền này cho anh [Đỗ Hoàng N](#) lần nữa. Trước đây, tôi cũng đã trả tiền lãi cho anh [Đỗ Hoàng N](#) đều đặn hàng tháng cho đến khi viết giấy nhận nợ với cô [V](#), Mặt khác, số tiền tôi nợ cô [V](#), cô [V](#) cũng đã kiện tôi ra Toà án . Tôi và cô [V](#) thoả thuận, tôi có trách nhiệm trả cho cô [V](#) số tiền gốc là 150.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh là 45.000.000 đồng vào tháng 5/2025

Đối với số tiền 35.000.000 đồng, tôi viết giấy vay nợ anh [N](#) số tiền này nên tôi chấp nhận trả cho anh [N](#) số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày vay đến ngày xét xử với lãi suất 1,66% / tháng như anh [Đỗ Hoàng N](#) yêu cầu, mặc dù thực tế chúng tôi thoả thuận miệng với nhau tiền lãi nhiều hơn nhưng từ khi vay số tiền 35.000.000 đồng của anh [Đỗ Hoàng N](#), tôi chưa trả cho anh [Đỗ Hoàng N](#) đồng tiền lãi nào. Số tiền 35.000.000 đồng này thực chất anh [Đỗ Hoàng N](#) chỉ đưa cho tôi 20.000.000 đồng còn 15.000.000 đồng là lãi của số tiền 150.000.000 đồng nhưng tôi vẫn chấp nhận trả số gốc là 35.000.000 đồng và lãi phát sinh cho đến ngày xét xử theo yêu cầu của anh [N](#).

Nếu anh [Đỗ Hoàng N](#) đồng ý thì tôi sẽ trả số tiền trên cho anh [Đỗ Hoàng N](#) tổng cả gốc và lãi là 80.000.000 đồng như thoả thuận giữa tôi với anh [Đỗ Hoàng N](#) trước đây. Nay, tôi và chị [V](#) đã thoả thuận, tôi trả cho chị [V](#) 200.000.000 đồng, giờ còn 80.000.000 đồng tôi trả cho anh [Đỗ Hoàng N](#) và trả cùng đợt với việc trả cho chị [V](#) 200.000.000 đồng vào tháng 5/2025.

Tại bản tự khai ngày 03/3/2025, tại các buổi làm việc tại Toà án và tại phiên toà ngày hôm nay, chị [Lê Thị Hồng V](#) trình bày: Ngày 14/6/2023, tôi có cho anh [Nguyễn Tất Đ](#) vay số tiền 150.000.000 đồng và tôi đưa tiền mặt cho anh [Nguyễn Tất Đ](#) được 80.000.000 đồng, còn tôi nhờ chồng tôi là anh [Đỗ Hoàng N](#) chuyển cho anh [Nguyễn Tất Đ](#) số tiền 70.000.000 đồng, hợp đồng vay tiền giữa tôi với anh

Nguyễn Tất Đ có công chứng . Còn việc anh Nguyễn Tất Đ mượn tiền của chồng tôi (Đỗ Hoàng N) bao nhiêu, mượn ngày nào, lãi suất bao nhiêu, thời gian trả nợ như thế nào, mượn ở đâu, tôi không biết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Anh Nguyễn Tất Đ viết giấy mượn tiền anh Đỗ Hoàng N 03 lần với tổng số tiền là 115.000.000 đồng.

Tuy nhiên, anh Nguyễn Tất Đ cho rằng số tiền 02 lần mượn đầu là 80.000.000 đồng, khi anh Nguyễn Tất Đ vay của anh N lần 3 số tiền 70.000.000 đồng. Lúc này anh N không có ở nhà nên chị V là vợ anh N cùng anh Đ ra phòng công chứng để làm hợp đồng vay tiền nên đã gộp vào Hợp đồng vay tiền của chị V thành 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời trình bày của anh Nguyễn Tất Đ không có cơ sở nên không chấp nhận. Do vậy, việc anh Đỗ Hoàng N yêu cầu anh Nguyễn Tất Đ có trách nhiệm trả số tiền 80.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, tính theo lãi suất 10%/năm là 17.052.778 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của anh Đỗ Hoàng N.

Đối với số tiền anh Đỗ Hoàng N cho anh Nguyễn Tất Đ mượn ngày 26/10/2023, các đương sự thống nhất số nợ gốc là 35.000.000 đồng và số lãi phát sinh (tính theo lãi suất 1.66%/ tháng) là 9.799.533 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận này của các đương sự.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn (Đỗ Hoàng N) yêu cầu Tòa án giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn (Nguyễn Tất Đ) . Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại thị trấn K, huyện K, Đ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Anh Nguyễn Tất Đ viết giấy mượn tiền anh Đỗ Hoàng N 03 lần, cụ thể như sau :

Lần 1, ngày 16/01/2023, anh [Nguyễn Tất Đ](#) viết giấy mượn anh [Đỗ Hoàng N](#) số tiền 50.000.000 đồng. Thời hạn mượn là 04 tháng, tức ngày 16/5/2023 là trả nợ.

Lần 2, ngày 21/01/2023, anh [Nguyễn Tất Đ](#) viết giấy mượn anh [Đỗ Hoàng N](#) số tiền 30.000.000 đồng. Thời hạn mượn là 04 tháng, tức ngày 21/6/2023 là trả nợ.

Lần 3, ngày 26/10/2023, anh [Nguyễn Tất Đ](#) viết giấy mượn anh [Đỗ Hoàng N](#) số tiền 35.000.000 đồng. Thời hạn mượn là 01 tháng, tức ngày 26/11/2023 là trả nợ.

Tổng số tiền đã mượn 03 lần là 115.000.000 đồng. Về tiền lãi các bên thoả thuận miệng với nhau.

Tuy nhiên, anh [Nguyễn Tất Đ](#) cho rằng số tiền 02 lần mượn đầu (ngày 16/01/2023 và ngày 21/02/2023) là 80.00.000 đồng, khi anh [Nguyễn Tất Đ](#) vay của anh [N](#) lần 3 số tiền 70.000.000 đồng. Lúc này anh [N](#) không có ở nhà nên chị [V](#) là vợ anh [N](#) cùng anh [Đ](#) ra phòng công chứng để làm hợp đồng vay tiền nên đã gộp vào Hợp đồng vay tiền của chị [V](#) thành 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, lời trình bày của anh [Nguyễn Tất Đ](#) không có cơ sở nên không chấp nhận. Do vậy, việc anh [Đỗ Hoàng N](#) yêu cầu anh [Nguyễn Tất Đ](#) có trách nhiệm trả số tiền 80.000.000 đồng (của lần vay ngày 16/01/2023 và lần vay ngày 21/02/2023) và tiền lãi phát sinh, tính theo lãi suất 10%/năm là 17. 052.778 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận .

Đối với số tiền anh [Đỗ Hoàng N](#) cho anh [Nguyễn Tất Đ](#) mượn ngày 26/10/2023, các đương sự thống nhất số nợ gốc là 35.000.000 đồng và số lãi phát sinh (tính theo lãi suất 1.66%/ tháng) là 9.799.533 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận sự thoả thuận này của các đương sự.

Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Do vậy, cần buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là 115.000.000 đồng + 17. 052.778 đồng+ 9.799.533 đồng = 141.852.311 x 5% = 7.092.616 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 463; 466 và 468 Bộ luật Dân sự

Áp dụng: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ([Đỗ Hoàng N](#));

Buộc bị đơn ([Nguyễn Tất Đ](#)) có nghĩa vụ trả cho anh [Đỗ Hoàng N](#) số tiền gốc là 115. 000.000 đồng và 26.852.311 đồng tiền lãi (tính đến ngày xét xử, ngày 24/3/2025)

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Anh [Nguyễn Tất Đ](#) có nghĩa vụ nộp số tiền 7.092.616 đồng án phí Dân sự sơ thẩm

Trả lại cho anh [Đỗ Hoàng N](#) số tiền tạm ứng án phí là 3.782.000 đồng theo biên lai số 7254 ngày 22/11/2024 tại [Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Krông Bông](#), Đắk Lắk

Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Krông Bông
- THADS huyện
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Huế